

NIỀM TIN CỦA GIÁO VIÊN VÀ SỞ THÍCH CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI VIỆC CHỮA LỖI TRONG GIỜ HỌC NÓI

TEACHERS' BELIEFS AND STUDENTS' PREFERENCES TOWARDS CORRECTIVE FEEDBACKS IN SPEAKING PERIODS

NGUYỄN THỊ THU HIỀN
(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: This paper aims to find out any differences between the teachers' belief and students' actual preferences towards the oral corrective feedbacks given in speaking class in order to see to what extent the teachers have met their students' expectations. The participants are 80 first year students at B1 and B2 level and 15 teachers at International Standard Program, Faculty of English, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. To collect the result, questionnaires and interviews for both teachers and students are fully employed

Key words: teachers' belief, students' preferences; oral corrective feedbacks.

1. Đặt vấn đề

Như đã biết, theo các phương pháp dạy học trước đây, bao gồm phương pháp Ngữ pháp-dịch và phương pháp nghe nhìn, lỗi người học mắc phải thường được coi là không mong muốn và không được chấp nhận. Tuy nhiên, theo phương pháp mới, dạy ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp (CLT), quan niệm này đã được thay đổi rõ rệt. Những người ủng hộ phương pháp này thậm chí còn coi lỗi là thực tế hiển nhiên (Nguyen et al, 2003, pp 35-36) vì theo họ không có lỗi tức là việc học chưa thực sự diễn ra. Tuy nhiên, để việc chữa lỗi thực sự hiệu quả, giáo viên không chỉ nên dựa vào niềm tin và quan điểm của mình mà cũng cần phải quan tâm và kết hợp chặt chẽ sở thích và nhu cầu của người học trong việc dạy. Bài viết này nhằm tìm ra quan niệm của giáo viên và những nguyện vọng thực sự của sinh viên trình độ thấp đối với việc chữa lỗi nói để tìm thấy tiếng nói chung giữa người học và người dạy nhằm giúp sinh viên cải thiện kỹ năng nói, đồng thời giúp họ không đánh mất động lực học kỹ năng này.

2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sự khác nhau trong mong muốn của sinh viên và niềm tin của giáo viên đối với việc đưa phản hồi của giáo viên qua từng loại lỗi trong khi giờ học

nói. Đồng thời đưa ra một số gợi ý sơ phạm góp phần nâng cao hiệu quả việc chữa lỗi nói.

Đối tượng nghiên cứu là 80 sinh viên đến từ 5 trường thành viên khác nhau của Đại học Quốc gia Hà Nội, đang theo học chương trình Nhiệm vụ chiến lược, ĐHQG HN. Các sinh viên này thuộc nhóm sinh viên có trình độ thấp, hầu hết đạt được từ 4.0 đến 5.5 IELTS (tương đương trình độ B1 đến B2 theo khung tham chiếu châu Âu) và kỹ năng nói có điểm dao động từ 4.0 đến 5.5. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn có sự tham gia của 15 giáo viên đang giảng dạy tại chương trình này. Hầu hết giáo viên đều có thời gian gắn bó với sinh viên thuộc hệ này từ 4 đến 5 năm và đa phần phải thường xuyên đảm nhận việc dạy kỹ năng nói.

Công cụ nghiên cứu là bảng câu hỏi khảo sát và câu hỏi phỏng vấn dành cho sinh viên và giáo viên. Trong đó, câu hỏi khảo sát được trích từ công cụ nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu trước đây của James A. Oladejo (1993). Người nghiên cứu có thêm vào và sửa đổi một số câu để làm cho bảng khảo sát liên quan hơn và phù hợp hơn đối với đối tượng nghiên cứu của mình. Nhìn chung, câu hỏi khảo sát và phỏng vấn có nội dung được thiết kế dựa trên tham khảo lý thuyết về việc chữa lỗi của Hendrickson (1978) với 5 câu hỏi liên quan: 1/Lỗi của

người học có nên được chữa không?; 2/Nếu có, khi nào những lỗi này nên được chữa?; 3/Loại lỗi nào nên được chữa?; 4/Ai nên sửa lỗi của người học?; 5/Các lỗi của người học nên được chữa như thế nào?

Liên quan đến câu hỏi thứ nhất trong bảng khảo sát, kết quả thu được được phản ánh rõ nét trong bảng sau:

Bảng 1: Liệt kê các lỗi trong khi nói của sinh viên có nên được sửa hay không?:

*[1: hoàn toàn đồng ý; 2: đồng ý; 3: không đồng ý; 4: hoàn toàn không đồng ý]

		1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)
1. Cần thiết phải sửa lỗi của sinh viên trong khi nói tiếng Anh để họ có thể sử dụng ngôn ngữ chính xác hơn và trôi chảy hơn.	Sinh viên	88	12	0	0
	Giáo viên	41.7	50	8.3	0
2. Giáo viên nên bỏ qua những lỗi ngữ pháp và chỉ tập trung vào những lỗi cản trở việc giao tiếp để sinh viên không cảm thấy bị chán nản.	Sinh viên	14	34	44	8
	Giáo viên	8.3	41.7	50	0
3. Các lỗi chỉ nên được sửa khi phần đông sinh viên gặp khó khăn với lỗi đó.	Sinh viên	8	10	68	14
	Giáo viên	33.3	41.7	8.3	16.7
4. Việc sửa lỗi liên tiếp có thể gây ra sự chán nản và không khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ.	Sinh viên	2	36	44	18
	Giáo viên	25	50	25	0

Từ bảng khảo sát chúng ta có thể thấy, khi được hỏi về mức độ cần thiết phải sửa lỗi của sinh viên trong khi nói, kết quả đáng mừng là hầu hết sinh viên và giáo viên đều ủng hộ việc chữa lỗi, đặc biệt có tới 88% số sinh viên hoàn toàn đồng ý với việc này. Điều này cho thấy cả giáo viên và sinh viên đã nhận thức được vai trò của lỗi và việc sửa lỗi trong quá trình học ngôn ngữ theo đúng xu hướng hiện đại đó là dạy và học ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp (CLT). Nó sẽ có ảnh hưởng tích cực trong việc sinh viên tiếp thu phản hồi của giáo viên trong giờ học nói và giúp họ tiến bộ được nhiều hơn.

Bên cạnh đó khi được hỏi về việc giáo viên có nên bỏ qua những lỗi ngữ pháp và chỉ tập trung vào những lỗi cản trở việc giao tiếp để sinh viên không cảm thấy bị chán nản hay không, rất nhiều sinh viên thể hiện mong muốn được sửa lỗi toàn diện bao gồm cả các lỗi ngữ pháp khi nói với 44% không đồng ý. 50% giáo viên ủng hộ ý kiến này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các lỗi trong khi nói của sinh viên có nên được sửa hay không?

Đáng chú ý là trong khi đa phần giáo viên 33.3% và 41.7% hoàn toàn đồng ý và đồng ý với đề xuất lỗi chỉ nên được sửa khi phần đông sinh viên gặp khó khăn với lỗi đó thì có tới 68% sinh viên không tán thành việc này. Kết quả này cũng cho thấy giáo viên cần quan tâm hơn nữa đến nguyện vọng của sinh viên để có phương pháp sửa lỗi phù hợp vì khi được phỏng vấn hầu hết sinh viên bày tỏ mong muốn được thầy cô chú ý đến những lỗi cá nhân họ hay mắc phải thay vì những lỗi chung của cả lớp. Như vậy sẽ giúp họ ghi nhớ và sửa lỗi hiệu quả hơn.

Liên quan đến câu hỏi cuối cùng trong phần 1 về việc sửa lỗi liên tiếp có thể gây ra sự chán nản và không khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ, tổng số 75% giáo viên hoàn toàn đồng ý và đồng ý với ý kiến này, trái lại với niềm tin của họ, chỉ có 38% sinh viên ủng hộ trong khi có tới 44% sinh viên không đồng ý và 18% hoàn toàn không đồng ý. Họ thể hiện thái độ đón nhận tích cực đối với việc tiếp nhận phản hồi của giáo viên mặc dù tần suất

chữa lỗi có thể cao nhưng vẫn không hề ảnh hưởng đến động lực học nói của họ.

3.2. Lỗi nào trong khi nói của sinh viên nên được sửa?

Từ câu hỏi thứ nhất, sinh viên bày tỏ thái độ rất tích cực đối với việc chữa lỗi. Tuy nhiên mức độ quan tâm của sinh viên và giáo viên với từng loại lỗi khác nhau như thế nào, kết quả thu được như sau:

Bảng 2: Lỗi nào trong khi nói của sinh viên nên được sửa?

*[1: nên chú ý cao; 2: nên chú ý một chút; 3: gần như không chú ý; 4: không chú ý]

Loại lỗi		1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)
1.Lỗi tổ chức ý	Sinh viên	52	46	2	0
	Giáo viên	33.3	66.7	0	0
2.Lỗi ngữ pháp	Sinh viên	30	60	8	2
	Giáo viên	0	100	0	0
3.Lỗi phát âm	Sinh viên	86	10	4	0
	Giáo viên	66.7	25	8.3	0
4.Lỗi từ vựng	Sinh viên	50	48	2	0
	Giáo viên	16.7	83.3	0	0

Dựa vào 4 loại lỗi chính sinh viên thường mắc phải trong khi nói, từ bảng trên, có thể thấy rất ít người tham gia bày tỏ thái độ không chú ý đến cả bốn loại lỗi này khi nói, nhưng mức độ quan tâm đến từng loại có sự khác nhau giữa giáo viên và sinh viên. Xét về mức độ ưu tiên cho việc sửa lỗi, 86% sinh viên cho rằng lỗi phát âm nên được chú ý cao (Giáo viên cũng đồng ý với điều này với 66.7%).

Tiếp theo là lỗi về tổ chức ý và lỗi từ vựng cũng được sinh viên chú ý cao tương ứng 52% và 50%. Kết quả khảo sát với giáo viên lại cho thấy phần đông giáo viên (66.7% và 83.3%)

lần lượt cho rằng chỉ nên chú ý một chút đến 2 loại lỗi này. Khi tìm hiểu về nguyên nhân có sự khác nhau này, qua phỏng vấn, có giáo viên cho rằng: "Trong quá trình nói, sinh viên không có đủ thời gian để tổ chức ý một cách logic như trong khi viết được, vì vậy có thể chấp nhận được nếu các ý tưởng bị xáo trộn một chút miễn là không ảnh hưởng tới mục tiêu chính của khóa học" và rất nhiều giáo viên khác cũng đồng tình là việc tổ chức ý chỉ nên thực sự được chú ý cao trong khi luyện thi còn trong những tình huống giao tiếp hàng ngày, lỗi về tổ chức ý có thể bỏ qua. Trái với suy nghĩ đó của giáo viên, đa số sinh viên được hỏi mong muốn giáo viên chú ý cao đến lỗi này vì bản thân họ không biết cách sắp xếp ý nên bài nói thường lộn xộn, không logic và mạch lạc. Thêm vào đó, trong khi nói, họ có thể bị ngắc ngứ vì không biết nói gì tiếp theo, ảnh hưởng đến độ trôi chảy trong khi nói, chưa kể đến việc có thể gây hiểu lầm cho người nghe. Tương tự như thế, khi được hỏi về lỗi từ vựng, các giáo viên đều chung quan điểm nếu chúng ta dạy sinh viên với mục đích luyện thi thì việc chú ý cao đến từ vựng là bắt buộc nhưng nếu mục đích chỉ là để sinh viên nói trôi chảy và không do dự, thì việc chú ý quá nhiều là không cần thiết miễn là họ vẫn diễn tả được ý tưởng của mình. Sinh viên lại có quan điểm khác. Họ cho rằng do vốn từ vựng còn hạn chế, lại hay nhớ nhầm về cách sử dụng dạng từ, kết hợp từ, sai ngữ cảnh nên dễ bị người khác hiểu lầm và đi thi thường không được điểm cao. Từ kết quả trên có thể thấy, giáo viên và sinh viên đều có lí do riêng hợp lí cho quan điểm của họ. Tuy nhiên, sự khác biệt về mặt quan niệm này dẫn tới việc hành động đưa phản hồi của giáo viên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, chính vì thế, chưa giúp sinh viên tiến bộ trong kĩ năng nói của mình.

Cuối cùng về mặt lỗi ngữ pháp đa số giáo viên và sinh viên đều đồng ý nên được chú ý cần thiết. Tuy vậy, nếu như 100% giáo viên hoàn toàn tán thành thì vẫn có 30% sinh viên mong muốn lỗi này được chú ý cao. Có lẽ điều này cũng cần được giáo viên xem xét.

3.3. Khi nào thì lỗi nên được sửa?

Câu hỏi số 3 nhằm mục đích định hướng khi nào nên chữa mỗi loại lỗi được nêu ở trên theo quan điểm của giáo viên và sinh viên:

Bảng 3: Khi nào lỗi nên được sửa?

*[1: luôn luôn sửa; 2: thỉnh thoảng sửa; 3: hiếm khi sửa; 4: không bao giờ sửa]

Loại lỗi		1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)
1.Lỗi tổ chức ý	Sinh viên	54	40	4	2
	Giáo viên	25	66.7	8.3	0
2.Lỗi ngữ pháp	Sinh viên	22	72	6	0
	Giáo viên	0	100	0	0
3.Lỗi phát âm	Sinh viên	78	20	2	0
	Giáo viên	50	41.7	8.3	0
4.Lỗi từ vựng	Sinh viên	46	40	14	0
	Giáo viên	25	66.7	8.3	0

Đối với câu hỏi số 3, kết quả thu được là 78% sinh viên và 50% giáo viên cho rằng luôn luôn nên sửa lỗi phát âm. 72% sinh viên và 100% giáo viên cho rằng nên thỉnh thoảng sửa lỗi ngữ pháp. Số sinh viên có nguyện vọng luôn luôn sửa lỗi tổ chức ý và lỗi từ vựng lần lượt là 54% và 46%, tuy nhiên có đến 66.7% giáo viên cho rằng chỉ nên thỉnh thoảng sửa hai lỗi này. Kết quả này hoàn toàn thống nhất với kết quả ở câu hỏi số 2. Điều này được giải thích bằng việc khi người học hoặc người dạy quan tâm đến lỗi nào họ sẽ thường xuyên mong được sửa lỗi đó.

3.4. Ai là người sửa lỗi?

Khi được hỏi về người nên chịu trách nhiệm chính cho việc sửa từng loại lỗi, có sự khác biệt rõ rệt trong quan niệm của giáo viên và sinh viên. Điều đó được thể hiện ở bảng 4:

Bảng 4: Ai nên sửa từng loại lỗi?

*[1: giáo viên sửa; 2: tự sửa; 3: bạn cùng lớp]

Loại lỗi		1 (%)	2 (%)	3 (%)
1.Lỗi tổ chức ý	Sinh viên	82	52	36
	Giáo viên	58.3	66.7	41.7
2.Lỗi ngữ pháp	Sinh viên	74	46	36
	Giáo viên	33.3	66.7	75
3.Lỗi phát âm	Sinh viên	86	50	46
	Giáo viên	83.3	50	41.7
4.Lỗi từ vựng	Sinh viên	64	60	48
	Giáo viên	83.3	33.3	50

Phần lớn sinh viên đều có nguyện vọng giáo viên là người chữa các loại lỗi chính cho sinh viên với tất cả đều trên 60% sinh viên lựa chọn. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Corder (1973) và Allwright (1975), người đã cho rằng giáo viên nên là người chịu trách nhiệm chính trong việc sửa lỗi của sinh viên. Giáo viên nói chung cũng đồng ý với quan điểm này trừ trường hợp lỗi ngữ pháp, chỉ có 1/3 số giáo viên đồng ý họ nên là người sửa lỗi chính, trong khi đó hơn 2/3 số người được hỏi cho rằng bản thân sinh viên và bạn cùng lớp nên là người sửa những lỗi này. Trao đổi về nguyên nhân của sự lựa chọn này, có giáo viên cho rằng: "Trong hầu hết các trường hợp, sinh viên mắc lỗi ngữ pháp trong khi nói không phải do họ không biết về quy tắc ngữ pháp mà phần nhiều là do họ bất cẩn hoặc do thiếu thời gian để cân nhắc cấu trúc cẩn thận. Vì vậy giáo viên chỉ cần nhắc họ và cho họ cơ hội để tự sửa lại hoặc nhờ bạn cùng lớp sửa". Tuy nhiên, có tới 74%

sinh viên mong đợi giáo viên sửa lỗi này cho mình, gặp rủi số người muốn mình tự sửa, và gặp đôi số người mong bạn cùng lớp sửa vì họ nghĩ giáo viên có trình độ cao hơn nên dễ phát hiện lỗi hơn.

Điều đáng mừng là số lượng sinh viên mong muốn tự mình được sửa lỗi cũng khá cao, dao động từ 46% đến 60% cho tất cả bốn loại lỗi chứng tỏ ý thức tự học của các em cũng rất cao. Giáo viên cũng đồng ý cao với việc này trừ trường hợp lỗi từ vựng, chỉ có 1/3 giáo viên gợi ý là sinh viên nên tự sửa lỗi vì theo họ, từ vựng có nhiều yếu tố khó để tự sửa được. Do vậy, bản thân sinh viên và bạn cùng lớp có thể không đủ kiến thức để sửa lỗi, gây ra việc sử dụng sai.

Bạn cùng lớp sửa là lựa chọn ít được ưu tiên nhất đối với sinh viên. Tuy nhiên số lượng sinh viên lựa chọn bạn cùng lớp sửa cho mỗi loại lỗi cũng nằm trong khoảng từ 36% đến 46%. Đối với giáo viên, nhìn chung việc nhờ bạn sửa lỗi cũng quan trọng như việc sinh viên tự sửa lỗi. Đây cũng là gợi ý được đưa ra bởi một số nhà nghiên cứu rằng cả việc tự sửa và bạn sửa lỗi nên được khuyến khích để bổ sung vào vai trò của giáo viên trong việc chữa lỗi (Wingfield, 1975; Raven, 1973; Cohen, 1975; and Witbeck, 1976).

3.5. Các lỗi nên được sửa như thế nào?

Đối với câu hỏi cuối cùng về phản ứng của sinh viên đối với từng phương pháp sửa lỗi và niềm tin của giáo viên về thái độ của sinh viên với mỗi phương pháp này, kết quả thu được như bảng 5:

Bảng 5: Các lỗi nên được sửa như thế nào?

*[1: thích nhất; 2: khá thích;

3: không thích lắm; 4: không thích]

Phương pháp chữa lỗi		1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)
1. Chỉ ra lỗi nhưng không đưa ra câu trả lời	Sinh viên	0	16	56	28
	Giáo viên	8.3	25	33.3	33.3

lời					
2. Chỉ ra lỗi và đưa ra câu trả lời	Sinh viên	40	54	6	0
	Giáo viên	25	75	0	0
3. Chỉ ra lỗi kèm theo gợi ý để tự sửa lỗi	Sinh viên	70	26	4	0
	Giáo viên	83.3	16.7	0	0
4. Sử dụng lỗi làm ví dụ cho cả lớp	Sinh viên	22	54	18	6
	Giáo viên	50	50	0	0
5. Không nhận xét gì cả	Sinh viên	4	4	8	84
	Giáo viên	0	8.3	25	66.7

Trong số 5 phương pháp chữa lỗi được nêu trên, có thể thấy phương pháp chữa lỗi được yêu thích theo ý kiến của sinh viên và giáo viên là chỉ ra lỗi kèm theo gợi ý để sinh viên tự sửa (70% sinh viên rất thích và 83.3% giáo viên nghĩ vậy). Phương pháp được sinh viên yêu thích thứ 2 đó là chỉ ra lỗi và đưa câu trả lời với 40% rất thích và 54% khá thích. ¼ giáo viên nghĩ là sinh viên khá thích hoạt động này, chỉ có ¼ nghĩ rằng sinh viên rất thích. Từ đó có thể thấy cách chữa lỗi này có thể áp dụng nhiều hơn với sinh viên có trình độ thấp. Phương pháp được ưu tiên thứ 3 theo ý kiến của sinh viên là sử dụng lỗi làm ví dụ cho cả lớp. Một nửa số giáo viên cho rằng sinh viên rất thích phương pháp này, nhưng trên thực tế chỉ có hơn 1/5 số sinh viên rất thích, còn 54% sinh viên khá thích. Giáo viên cũng cần lưu ý điều này trong quá trình sửa lỗi để giúp sinh viên tự tin hơn khi nói và thoải mái hơn khi được chữa lỗi. Phần lớn sinh viên thể hiện thái độ không thích đối với hai phương pháp còn lại đó là việc giáo viên chỉ ra lỗi mà không đưa

ra câu trả lời hoặc không nhận xét gì cả. Giáo viên tỏ ra rất hiểu tâm lý sinh viên trong trường hợp này.

4. Kết luận và một số gợi ý sư phạm

Qua kết quả câu hỏi khảo sát và câu hỏi phỏng vấn, chúng ta có thể khẳng định giáo viên đã phần nào hiểu được sinh viên của mình. Tuy nhiên, cũng vẫn còn một số sự khác biệt trong niềm tin của giáo viên và mong muốn thực sự của sinh viên trong việc đưa phản hồi tại giờ học nói. Một số điểm đáng chú ý như giáo viên ít quan tâm đến việc chữa các lỗi về tổ chức ý và lỗi từ vựng trong bài nói của sinh viên trong khi đó sinh viên lại bày tỏ nguyện vọng được giáo viên chú ý cao và luôn luôn sửa các loại lỗi này. Đối với lỗi ngữ pháp, nếu như giáo viên luôn tin rằng bản thân sinh viên và bạn cùng lớp có thể tự sửa được và giáo viên nên chú ý đến những lỗi khác nhiều hơn thì đa số sinh viên lại mong đợi phản hồi từ phía giáo viên để họ có thể nhận biết được lỗi của mình tốt hơn. Ngược lại, chỉ có 1/3 giáo viên nghĩ sinh viên có thể sửa lỗi từ vựng thì có tới 60% sinh viên sẵn sàng tự làm việc này. Không chỉ thế, trong khi đa số giáo viên đồng ý sửa lỗi khi phần đông sinh viên gặp khó khăn thì hầu hết sinh viên lại hi vọng sẽ được giáo viên sửa lỗi theo cá nhân để họ có thể rút kinh nghiệm cho mình. Một ví dụ khác đó là giáo viên thường quan niệm việc sửa lỗi liên tiếp có thể gây ra sự chán nản và không khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ thì rất nhiều sinh viên lại thể hiện thái độ đón nhận tích cực với những phản hồi này. Ngoài ra, về mặt phương pháp chữa lỗi, giáo viên luôn tin rằng việc sử dụng lỗi làm ví dụ cho cả lớp sẽ hiệu quả trong việc giúp sinh viên nhận ra lỗi và sinh viên sẽ rất thích, tuy nhiên, kết quả nghiên cứu lại chỉ ra rằng chỉ có 1/5 sinh viên thực sự hưởng ứng cao hoạt động này.

Từ kết quả trên, có thể rút ra rằng không phải lúc nào niềm tin và các hoạt động trong lớp của giáo viên trong việc sửa lỗi cũng đáp ứng được nguyện vọng của sinh viên. Nếu giáo viên muốn có một giờ học nói thực sự hiệu quả thì trước hết họ phải suy nghĩ xem sinh viên của họ đang thực sự cần gì, bị hổng kiến thức ở chỗ nào, làm thế nào để đáp ứng những yêu cầu ấy để có những điều chỉnh phù hợp và cần thiết đối với phương pháp giảng dạy của mình. Nếu giáo viên để ý hơn đến việc ghi chép lại những lỗi về tổ chức ý, lỗi từ vựng và lỗi ngữ pháp trong từng bài nói cá nhân của sinh viên và đưa lại cho sinh viên sau giờ học nói, yêu cầu sinh viên tự sửa, sau đó giáo viên kiểm tra lại và đưa phản hồi cuối cùng thì thiết nghĩ sinh viên sẽ rất phấn khởi và có động lực học tập tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Allwright, R. L. (1975), *Problems in the study of the language teacher's treatment of learner error*. In M.K. Burt & H.C. Dulay (Eds.), *New directions in second language learning, teaching and bilingual education* (pp. 96-109). Washington, DC: TESOL.
- Cohen, A.D. (1975), *Error correction and the training of language teachers*. *Modern Language Journal*, 59, 414-422.
- Hendrickson, J.M. (1978), *Error correction in foreign language teaching: Recent theory, research and practice*. *Modern Language Journal*, 62, 378-398.
- Nguyen Bang et al. (2003), *BA upgrade - English language teaching methodology*. Ministry of education and training- Teacher-training project.
- Oladejo, J. (1993), *Error correction in ESL: learner's preferences*. *TESL Canada Journal/ Revue TESL du Canada*, Vol 10, No 2, 88-89. <http://www.teslcanadajournal.ca/index.php/tesl/article/viewFile/619/450> (consult June 1st, 2015).